PHỤ LỤC III

THUYẾT MINH BẢNG GIÁ CA MÁY VÀ THIẾT BỊ THI CÔNG XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LONG AN CŨ

(Kèm theo Công văn số /SXD-QLHĐXD ngày /7/2026 của Sở Xây dựng)

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật.

II. NỘI DUNG GIÁ CA MÁY

1. Giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng (sau đây gọi là giá ca máy) là mức chi phí bình quân cho một ca làm việc theo quy định của máy và thiết bị thi công xây dựng. Giá ca máy gồm toàn bộ hoặc một số khoản mục chi phí như chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhiên liệu, năng lượng, chi phí nhân công điều khiển và chi phí khác và được xác định theo công thức sau:

$$C_{CM} = C_{KH} + C_{SC} + C_{NL} + C_{NC} + C_{CPK}$$

Trong đó:

+ C_{CM}: Giá ca máy (đồng/ca);

+ C_{KH}: Chi phí khấu hao (đồng/ca);

+ C_{SC}: Chi phí sửa chữa (đồng/ca);

+ C_{NL}: Chi phí nhiên liệu, năng lượng (đồng/ca);

+ C_{NC}: Chi phí nhân công điều khiển (đồng/ca);

+ C_{CPK}: Chi phí khác (đồng/ca).

Danh mục máy, các định mức khấu hao, sửa chữa, chi phí khác, nhiên liệu năng lượng, nhân công điều khiển và nguyên giá máy được xác định theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 37/2026/TT-BXD.

Các chi phí trong giá ca máy gồm:

a) Chi phí khấu hao:

Trong quá trình sử dụng máy, máy bị hao mòn, giảm dần giá trị sử dụng và giá trị của máy do tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh, do bào mòn của tự nhiên.

Khấu hao máy là việc tính toán, và phân bổ một cách có hệ thống nguyên giá của máy vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong thời gian trích khấu hao của máy để thu hồi vốn đầu tư máy. Khấu hao của máy được tính trong giá ca máy.

Đối với những máy làm việc ở vùng nước mặn, nước lợ và trong môi trường ăn mòn cao thì định mức khấu hao được điều chỉnh với hệ số 1,05.

b) Chi phí sửa chữa:

Chi phí sửa chữa máy là các khoản chi phí để bảo dưỡng, sửa chữa máy định kỳ, sửa chữa máy đột xuất trong quá trình sử dụng máy nhằm duy trì và khôi phục năng lực hoạt động tiêu chuẩn của máy.

Chi phí sửa chữa máy chưa bao gồm chi phí thay thế các loại phụ tùng thuộc bộ phận công tác của máy có giá trị lớn mà sự hao mòn của chúng phụ thuộc chủ yếu tính chất của đối tượng công tác.

Đối với những máy làm việc ở vùng nước mặn, nước lợ và trong môi trường ăn mòn cao thì định mức sửa chữa được điều chỉnh với hệ số 1,05.

c) Chi phí nhiên liệu, năng lượng:

Nhiên liệu, năng lượng là xăng, dầu, điện, gas hoặc khí nén tiêu hao trong thời gian một ca làm việc của máy để tạo ra động lực cho máy hoạt động gọi là nhiên liệu chính.

Các loại dầu mỡ bôi trơn, dầu truyền động, … gọi là nhiên liệu phụ trong một ca làm việc của máy được xác định bằng hệ số so với chi phí nhiên liệu chính.

Giá nhiên liệu, năng lượng tính trong giá ca máy chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, trong đó giá xăng, dầu được xác định theo Thông cáo báo chí số 39/2026/PLX-TCBC ngày 02/7/2026 của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam - Petrolimex về điều chỉnh giá xăng dầu từ 16 giờ 00 phút ngày 02/7/2026. Giá điện theo mức giá bán lẻ điện cho các ngành sản xuất cấp điện áp dưới 6kV giờ bình thường trong Quyết định số 1279/QĐ-BCT ngày 09/5/2025 của Bộ Công thương:

+ Xăng E5 RON 92-II : 19.730 đồng/lít

+ Dầu diezel 0,05S-II : 21.170 đồng/lít

+ Điện : 1.987 đồng/kWh

Hệ số nhiên liệu phụ cho một ca máy làm việc, được xác định theo từng loại máy và điều kiện cụ thể của công trình. Hệ số chi phí nhiên liệu phụ lấy theo mục III.3đ phụ lục Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 37/2026/TT-BXD cụ thể như sau:

+ Máy và thiết bị chạy động cơ xăng : 1,02

+ Máy và thiết bị chạy động cơ diesel : 1,03

+ Máy và thiết bị chạy động cơ điện : 1,05

d) Chi phí nhân công vận hành, điều khiển trong một ca máy được xác định trên cơ sở các quy định về số lượng, thành phần, nhóm nhân công vận hành, điều khiển máy theo quy trình vận hành máy và đơn giá ngày công tương ứng với nhân công vận hành, điều khiển máy. Số lượng nhân công vận hành, điều khiển máy của một loại máy được xác định theo số lượng, thành phần, nhóm nhân công vận hành, điều khiển máy được quy định tại Phụ lục IV của Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 và Đơn giá ngày công của nhân công vận hành, điều khiển máy trên địa bàn tỉnh Long An cũ.

e) Chi phí khác: Chi phí khác trong giá ca máy là các khoản chi phí cần thiết đảm bảo để máy hoạt động bình thường, có hiệu quả tại công trình, gồm bảo hiểm máy, thiết bị trong quá trình sử dụng; bảo quản máy và phục vụ cho công tác bảo dưỡng kỹ thuật trong bảo quản máy; đăng kiểm các loại; di chuyển máy trong nội bộ công trình và các khoản chi phí có liên quan trực tiếp đến quản lý máy và sử dụng máy tại công trình chưa được tính trong các nội dung chi phí khác trong giá xây dựng công trình, dự toán xây dựng.

2. Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng:

Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng được tính toán trình bày theo từng loại máy với 05 thành phần chi phí: Chi phí khấu hao; Chi phí sửa chữa; Chi phí nhiên liệu, năng lượng; Chi phí tiền lương nhân công điều khiển máy và Chi phí khác.

Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng được trình bày theo Mẫu 03 Phụ lục VII, Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Long An cũ được tính toán cho 04 Vùng:

- Vùng I (Khu vực 1): gồm các xã/phường: Long An, Tân An, Khánh Hậu, An Ninh, Hiệp Hòa, Hậu Nghĩa, Hòa Khánh, Đức Lập, Mỹ Hạnh, Đức Hòa, Thạnh Lợi, Bình Đức, Lương Hòa, Bến Lức, Mỹ Yên, Phước Lý, Mỹ Lộc, Cần Giuộc, Phước Vĩnh Tây, Tân Tập.

- Vùng II (Khu vực 2): gồm các xã/phường: Kiến Tường, Tuyên Thạnh, Bình Hiệp, Thủ Thừa, Mỹ An, Mỹ Thạnh, Tân Long, Long Cang, Rạch Kiến, Mỹ Lệ, Tân Lân, Cần Đước, Long Hựu, Nhựt Tảo.

- Vùng III (Khu vực 3): gồm các xã/phường: Bình Thành, Thạnh Phước, Thạnh Hoá, Tân Tây, Mỹ Quý, Đông Thành, Đức Huệ, Vàm Cỏ, Tân Trụ, Thuận Mỹ, An Lục Long, Tầm Vu, Vĩnh Công.

- Vùng IV (Khu vực 4): gồm các xã/phường: Tuyên Bình, Vĩnh Hưng, Khánh Hưng, Bình Hòa, Mộc Hóa, Hậu Thạnh, Nhơn Hòa Lập, Nhơn Ninh, Tân Thạnh, Hưng Điền, Vĩnh Thạnh, Tân Hưng Vĩnh Châu.